

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 28-4-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp  
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T  
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Đó*

*Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Kim Phương.*

*Ông Nguyễn Thành Lam*

*Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Khuyển - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T ghi biên bản phiên tòa.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng, kiểm sát viên.*

Ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 176/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Vũ Thị H**, sinh năm: 1987

HKTT: 254A/1, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai

Nơi cư trú hiện nay: Số nhà 100, tổ 3, ấp 1, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Phạm Văn H**, sinh năm: 1977

Địa chỉ: 254A/1, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai

(bà H có mặt, ông H vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 10/01/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Vũ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông H quen biết, tìm hiểu yêu thương khoảng 01 năm tự nguyện kết hôn và được UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/4/2005. Đây là hôn nhân lần thứ nhất của bà H.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống ở nhà trọ để làm ăn đến năm 2007 vợ chồng về xây nhà trên đất của bố mẹ chồng cho. Cuộc sống hạnh phúc được hai năm sau đó xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do ông H không lo làm ăn, chăm lo cho gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn về nhà kiếm chuyện, chửi bới, đập phá đồ đạc trong nhà. Vào tháng 12 năm 2021 sau khi ông H đi nhậu về kiếm chuyện vợ chồng cãi vã và đánh nhau, mẹ chồng biết sự việc nhưng không can ngăn khuyên bảo ông H, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mặt khác ông H thường nghỉ ngơi, ghen tuông bà H không chung thủy, mỗi lần bà H xem điện thoại thì ông H cho rằng bà H nói chuyện với người đàn ông khác nên chửi bới, xúc phạm danh dự, nhân phẩm bà H.

Tháng 01 năm 2022 bà H đã thuê nhà trọ sống riêng cho đến nay, đây cũng chính là thời gian vợ chồng sống ly thân.

Trước Tòa án bà H xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông H, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Minh T, sinh ngày: 01/12/2005 và cháu Phạm Ngọc TT, sinh ngày: 29/6/2007.

Khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Hằng và đồng ý giao cháu Tuấn cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời bà H và ông H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Bà Vũ Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ riêng: Không có

*\* Tại bản tự khai ngày 09/3/2022 ông Phạm Văn H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà H được tự nguyện tìm hiểu yêu thương và đi đến kết hôn, được UBND xã G, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/4/2005. Đây là hôn nhân lần thứ nhất của ông H.

Sau khi kết hôn vợ chồng đi thuê nhà trọ để sinh sống đến năm 2006 thì bố mẹ ông H cho mượn diện tích đất xây nhà và sinh sống tại địa phương. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc, đầm ấm. Khoảng 02 năm nay thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng gây gổ. Nguyên nhân là do bà H có biểu hiện không chung thủy, tính tình thay đổi, không quan tâm đến gia đình, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng đời sống chung không hạnh phúc. Việc bà H không chung thủy ông H không có chứng cứ chứng minh để nộp cho Tòa án.

Vào khoảng tháng 12 năm 2021 sau khi từ nhà mẹ của ông H về thì vợ chồng xảy ra cãi vã, xô sát nhau, trong lúc nóng giận ông H đã tát bà H 02 (hai) cái, khoảng 01 tuần sau bà H bỏ nhà ra đi, bà H sống ở đâu ông H không biết vì ông H gọi điện tìm bà H nhưng không liên lạc được. Đây cũng chính là thời gian vợ chồng sống ly thân cho đến ngày hôm nay.

Trước Tòa án bà H xin ly hôn ông H không đồng ý vì ông còn tình cảm yêu thương bà H, mong muốn vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung, mặt khác do ông theo đạo công giáo nên ông không đồng ý ly hôn

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Minh T, sinh ngày: 01/12/2005 và cháu Phạm Ngọc TT, sinh ngày: 29/6/2007.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H thì tùy theo ý kiến của con chung muốn sống cùng ba hoặc mẹ, ông H đều tôn trọng ý kiến của con, không tranh chấp.

Hiện nay ông làm công nhân tại nhà máy ở Biên Hòa, thu nhập trung bình khoảng 10.000.000đ/tháng, thực tế nhu nhập như thế nào ông khai như vậy chứ không có bảng lương nộp cho Tòa án.

Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung, nợ riêng: Không có.

Ông H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

**\* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:**

**Về tố tụng:** Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định pháp luật. Thời hạn giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật.

Về chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề nghị HĐXX áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Minh T, sinh ngày: 01/12/2005 và cháu Phạm Ngọc TT, sinh ngày: 29/6/2007.

Đề nghị HĐXX giao cháu Hằng cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Tuấn cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời bà H và ông H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản, nợ chung, nợ riêng: Các đương sự không tranh chấp nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

#### **[1]. Về tố tụng:**

Nguyên đơn bà Vũ Thị H khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn ông Phạm Văn H có nơi cư trú tại: số nhà 254A/1, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Phạm Văn H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 14/4/2022 nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

## **[2]. Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con trong vụ án:**

**[2.1].** Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị H và ông Phạm Văn H tự nguyện yêu thương và đi đến kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/4/2005. Căn cứ các Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân của bà H và ông H là hợp pháp. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn bà H khởi kiện xin ly hôn ông H. Xét thời điểm hiện tại Luật hôn nhân năm 2014 đang có hiệu lực, việc kết hôn của bà H và ông H cũng thỏa mãn điều kiện theo quy định tại điều 8 của luật hôn nhân gia đình năm 2014, về con chung, tài sản chung không tranh chấp, nên Tòa án áp dụng luật hôn nhân năm 2014 để giải quyết.

Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Vũ Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong quá trình chung sống, giữa bà H và ông H xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và thiếu sự tin tưởng, tôn trọng nhau. Ông H nghi ngờ bà H sống không chung thủy nhưng ông không có chứng cứ chứng minh. Mặt khác ông H thừa nhận khi vợ chồng gây gổ do tức giận nên ông đánh bà H, lời khai của ông H phù hợp với lời khai của bà H về việc vợ chồng gây gổ đánh nhau.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 09/03/2022 ông H xác định còn tình cảm vợ chồng với bà H, không đồng ý ly hôn. Tòa án triệu tập ông đến hòa giải cùng với bà H nhưng ông H không hợp tác, không có thiện chí muốn hòa giải đoàn tụ để xây dựng lại gia đình hạnh phúc. Tháng 12/2021 vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau, không thực hiện quyền, nghĩa vụ chung vợ chồng.

Theo biên bản xác minh ngày 09/3/2022 tại ban ấp G, xã G, huyện T, trưởng ấp bà Lại Thị Nguyệt cung cấp thông tin:

Bà Vũ Thị H và ông Phạm Văn H kết hôn vào năm 2005 và sinh sống tại địa phương. Trong quá trình bà H, ông H sinh sống tại địa phương thì ban ấp không biết được nguyên nhân vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Ban ấp chỉ biết được thông tin hiện nay vợ chồng bà H, ông H không sống chung nhà với nhau, bà H đã bỏ đi nơi khác sinh sống.

Trên cơ sở đó cho thấy hôn nhân giữa bà H và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại Điều 89; Điều 91 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 đối chiếu với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Vũ Thị H, cho bà H và ông H được ly hôn.

**[2.2].** Xét về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Phạm Minh T, sinh ngày: 01/12/2005 và cháu Phạm Ngọc TT, sinh ngày:

29/6/2007. Khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H và đồng ý giao cháu T cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ý kiến của ông H tôn trọng nguyện vọng của các con.

Tại bản ý kiến ngày 17/4/2022 của cháu T, cháu H: Thì cháu T có nguyện vọng muốn sống cùng với ba, cháu H có nguyện vọng sống cùng với mẹ. Căn cứ quy định vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu T cho ông H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu H cho bà H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời bà H và ông H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[3]. Về tài sản chung: Bà H và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. Về nợ chung, nợ riêng: Bà H và ông H trình bày không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH :**

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 9; Điều 11, Điều 89; Điều 91 luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Áp dụng các Điều 56, 57, 81, 82, 83, Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” của nguyên đơn bà Vũ Thị H.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Cho ly hôn giữa bà Vũ Thị H và ông Phạm Văn H.

**2. Về nuôi con chung:** Giao cho bà Vũ Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Ngọc TT, sinh ngày: 29/6/2007.

Giao cho ông Phạm Văn H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Minh T, sinh ngày: 01/12/2005. Tạm thời bà H và ông H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Bà H và ông H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

**3. Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng:** Không giải quyết.

**4. Về án phí:** bà H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003468 ngày 11/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai; bà H đã nộp đủ án phí.

**5. Về quyền kháng cáo:** Bà H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, ông H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND H. T;
- CC.THADS H. T;
- UBND xã G, H. T (số 74, ngày 19/4/2005);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Kim Đón**